

Số: 1499/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 (lần 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 24/02/2025 của UBND thành phố Biên Hòa về việc Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của UBND thành phố Biên Hòa về việc phân bổ biên chế công chức trong cơ quan hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố, biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, số người làm việc trong các Hội do Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 14/03/2025 của UBND thành phố Biên Hòa về việc Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc phân bổ biên chế công chức trong cơ quan hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2025;

Theo Tờ trình số 160/TTr-TCKH ngày 31/3/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Phòng, Ban chuyên môn trực thuộc UBND thành phố Biên Hòa (lần 3), cụ thể:

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị:
 - Giao dự toán thu: 173.200.000 đồng.
 - Giao dự toán chi: 14.529.835.108 đồng.
2. Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin:
 - Giao dự toán thu: 172.000.000 đồng.
 - Giao dự toán chi: 5.005.687.165 đồng.
3. Phòng Dân tộc và Tôn giáo:

- Giao dự toán thu: 0 đồng.
- Giao dự toán chi: 1.458.203.300 đồng.

4. Phòng Nội vụ (hợp nhất):

- Giao dự toán thu: 0 đồng.
- Giao dự toán chi: 15.119.145.084 đồng.

(phân bổ nội dung cụ thể theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này và Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XV phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT.Thành ủy BH;
- TT.HĐND TPBH;
- CT, các PCT/UBND TP;
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND TP;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Quốc Thái

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1499 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Biên Hòa)

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025****Đơn vị: PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ****Mã số: 1135325**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	
1	Số thu phí, lệ phí:	173.200.000
	- Lệ phí cấp phép xây dựng:	75.000.000
	- Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật -TDT các công trình	3.000.000
	- Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	21.000.000
	- Phí thẩm định an toàn thực phẩm lĩnh vực công thương	74.200.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại:	62.440.000
	- Lệ phí cấp phép xây dựng:	0
	- Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật -TDT các công trình	0
	- Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại (50%)	10.500.000
	- Phí thẩm định an toàn thực phẩm lĩnh vực công thương (70%)	51.940.000
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	110.760.000
	- Lệ phí cấp phép xây dựng:	75.000.000
	- Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật -TDT các công trình	3.000.000
	- Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại (50%)	10.500.000
	- Phí thẩm định an toàn thực phẩm lĩnh vực công thương (30%)	22.260.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.529.835.108
1	Chi quản lý hành chính:	5.253.283.108
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:	5.147.783.108
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	3.396.112.394
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	3.396.112.394
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	1.751.670.714
	- Kinh phí hoạt động	1.751.670.714
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	105.500.000
	Kinh phí cho hoạt động thu phí, lệ phí	63.000.000
	- Kinh phí cho hoạt động	63.000.000
	Kinh phí kiểm tra, giám sát hoạt động bến thủy nội địa	22.500.000
	- Kinh phí hoạt động	22.500.000
	Kinh phí Phần mềm HTCV-TL	20.000.000
2	Kinh phí các sự nghiệp:	9.276.552.000

STT	Nội dung	Tổng số
2.1	Sự nghiệp thị chính:	2.381.652.000
2.1.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên:	2.381.652.000
	- Các công trình chiếu sáng, cây xanh, công viên, thoát nước, quy hoạch....	2.299.752.000
	- Đánh số nhà bổ sung trên địa bàn thành phố Biên Hòa.	81.900.000
2.2	Sự nghiệp giao thông:	6.750.000.000
2.2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên:	6.750.000.000
	- Kinh phí sửa chữa định kỳ cầu, đường, ...	6.750.000.000
2.3	Sự nghiệp công thương :	144.900.000
	- Kinh phí sự nghiệp công thương	144.900.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1499 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: PHÒNG VĂN HÓA, KHOA HỌC VÀ THÔNG TIN THÀNH PHỐ

Mã số: 1135171

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	
1	Số thu phí, lệ phí, phí khác.	172.000.000
	- Phí thẩm định cấp phép kinh doanh karaoke	72.000.000
	- Kinh phí thu phạt VPHC của Đội kiểm tra liên ngành 814	100.000.000
2	Nộp Ngân sách nhà nước:	136.000.000
	- Phí thẩm định cấp phép kinh doanh karaoke	36.000.000
	- Kinh phí thu phạt VPHC của Đội kiểm tra liên ngành 814	100.000.000
3	Số được để lại sử dụng:	36.000.000
	- Phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke	36.000.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.005.687.165
1	Chi quản lý hành chính:	2.643.199.510
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	2.530.799.510
1.1.1	Thanh toán cá nhân:	1.679.965.844
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	1.679.965.844
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	850.833.666
	- Kinh phí hoạt động	850.833.666
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	112.400.000
1.2.1	Kinh phí hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành 814	90.000.000
	- Kinh phí hoạt động	90.000.000
1.2.2	Kinh phí hỗ trợ tết Nguyên đán.	2.400.000
1.2.3	Kinh phí phần mềm HTC-V-TL.	20.000.000
2	Chi các sự nghiệp	2.362.487.655
2.1	Sự nghiệp văn hoá:	940.487.655
2.2	Sự nghiệp thông tin truyền thông:	1.242.000.000
2.3	Sự nghiệp y tế - dân số và gia đình:	180.000.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1499 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 04 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: PHÒNG DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Mã số: 1134546

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	-
1.2	Phí	-
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-
3.1	Lệ phí	-
3.2	Phí	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.458.203.300
1	Chi quản lý hành chính:	1.458.203.300
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	876.203.300
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	596.403.300
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	596.403.300
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	279.800.000
	- Kinh phí hoạt động	279.800.000
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ:	582.000.000
1.2.1	Kinh phí công tác Dân tộc	45.000.000
	- Kinh phí hoạt động	45.000.000
1.2.2	Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo	537.000.000
	- Kinh phí hoạt động	537.000.000

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức: 75 triệu x 05 biên chế

- Số tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên được giữ lại ngân sách thành phố để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025.

- Chi hoạt động thường xuyên năm 2025 đã bao gồm chi phí bảo trì phần mềm quản lý tài sản (phí bảo trì là 2.000.000 đồng/năm), kinh phí phần mềm HTCV-TL (20.000.000 đồng).

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1499 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: PHÒNG NỘI VỤ

Mã số: 1063828

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.119.145.084
1	Chi quản lý hành chính:	13.939.145.084
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	3.387.315.060
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	2.354.857.060
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	2.354.857.060
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	1.032.458.000
	- Kinh phí hoạt động	1.032.458.000
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	10.551.830.024
1.2.1	Kinh phí cải cách hành chính :	603.742.000
	- Kinh phí hoạt động	603.742.000
1.2.2	Kinh phí phục vụ công tác QLNN về văn thư lưu trữ thành phố	112.500.000
	- Kinh phí hoạt động	112.500.000
1.2.3	Kinh phí khen thưởng :	9.644.388.024
	- Kinh phí hoạt động	9.644.388.024
1.2.4	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính giai đoạn 2023-2025	54.000.000
	- Kinh phí hoạt động	54.000.000
1.2.5	Kinh phí hỗ trợ tết	200.000
1.2.6	Kinh phí Phần mềm HTCVC-TL	20.000.000
1.2.7	Kinh phí tranh chấp lao động tập thể	90.000.000
1.2.8	Kinh phí thù lao cho hoà giải viên	27.000.000
2	Chi các sự nghiệp	1.180.000.000
2.1.1	Sự nghiệp đào tạo:	180.000.000
	Kinh phí đào tạo :	180.000.000
	- Kinh phí hoạt động	180.000.000
2.1.2	Kinh phí đảm bảo xã hội :	1.000.000.000
	- Kinh phí đảm bảo xã hội (Điều dưỡng Người có công)	1.000.000.000